

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ	02-03
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	04-10
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	11-12
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	13-14
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	15-42
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	15
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	16-17
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	18
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	19
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	20
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	21-42

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Ban điều hành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM (sau đây gọi tắt là "Quỹ") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM được thành lập ngày 07 tháng 02 năm 2020 dưới hình thức Quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 29 tháng 11 năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký đại chúng số 41/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCK") cấp ngày 07 tháng 02 năm 2020. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (PVCB Capital) đổi tên từ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Tài chính Dầu khí thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam là doanh nghiệp cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 23/UBCK-GP ngày 14/12/2007 và các Giấy phép Điều chỉnh số 31/UBCK-GPĐC ngày 19/01/2009, số 75/UBCK-GPĐC ngày 27/07/2010, số 19/GPĐC-UBCK ngày 21/10/2011, số 07/GPĐC-UBCK ngày 28/03/2014, số 08/GPĐC-UBCK ngày 31/05/2016, số 78/GPĐC-UBCK ngày 27/09/2018, số 48/GPDC-UBCK ngày 10/08/2020, số 19/GPDC-UBCK ngày 22/02/2023, số 54/GPDC-UBCK ngày 15/05/2026 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0102574966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 04 ngày 04 tháng 06 năm 2026.

Công ty Quản lý Quỹ được sở hữu 99,97% bởi Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam ("Ngân hàng Mẹ"), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty Quản lý Quỹ bao gồm: quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật.

Công ty Quản lý Quỹ có Trụ sở chính tại: Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này là Ông Trần Quang Vinh - Thành viên HĐQT; Giám đốc Công ty đến ngày 30/07/2026.

Ông Nguyễn Ngô Minh – Giám đốc Công ty được ông Trần Quang Vinh ủy quyền ký Báo cáo tài chính giữa niên độ này theo Giấy Ủy quyền số 356/UQ - QLQ ngày 30/07/2026.

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên của Ban đại diện Quỹ trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Kiều Phương Khoan

Chủ tịch - Thành viên độc lập

Ông Phạm Thiên Quang

Thành viên độc lập

Bà Trần Thị Thanh Huyền

Thành viên độc lập

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quỹ.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Chúng tôi đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

CAM KẾT KHÁC

Chúng tôi cam kết rằng Công ty chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Thay mặt Ban điều hành



Nguyễn Ngô Minh

Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1 . THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1.1 . Thông tin về Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM (PVBF)

Loại hình Quỹ: Quỹ mở

1.2 . Mục tiêu đầu tư

Quỹ hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư chủ yếu vào các trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng và một phần vào các tài sản khác với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại lợi nhuận dài hạn ổn định cho các nhà đầu tư. Trong trường hợp môi trường đầu tư tạm thời không phù hợp với các tài sản cố định nêu trên hoặc nhiều trường hợp khác biệt khác việc xem xét đầu tư sẽ do Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ban đại diện Quỹ xem xét quyết định phù hợp với thẩm quyền được Quy định trong Điều lệ Quỹ và các quy định khác của pháp luật.

1.3 . Thời gian hoạt động của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động

1.4 . Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio)

Không có

1.5 . Chính sách phân chia lợi nhuận

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định Quỹ vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

1.6 . Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào quỹ là 11.991.068.500 VND tương đương với 1.199.106,85 chứng chỉ quỹ.

1.7 . Các nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong năm

Trong kỳ, Quỹ có thực hiện sửa đổi bổ sung Điều lệ Quỹ theo Thông báo số 200/TB-QLQ-PTKD của PVCB Capital gửi UBCKNN ngày 23/04/2026 về việc sửa đổi Điều lệ Quỹ PVBF.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội

1.8 . Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo

Theo Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2026 số 01/2026/NQĐH-PVBF ngày 23/04/2026, các nội dung được thông qua như sau:

- Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Quỹ PVBF;
- Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Quỹ PVBF;
- Phương án không phân phối lợi nhuận năm 2025 của Quỹ PVBF;
- Thông qua việc điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;
- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho các Báo cáo tài chính của Quỹ PVBF trong năm tài chính 2026 là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Thông qua ủy quyền cho Công ty quản lý quỹ PVCB Capital đàm phán, ký kết hợp đồng với đơn vị kiểm toán.
- Thông qua việc chi trả thù lao Ban đại diện Quỹ PVBF từ chi phí hoạt động của Quỹ PVBF từ năm 2026 là: 3.000.000 VNĐ/người/tháng.

1.9 . Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát

Công ty Quản lý Quỹ đã đáp ứng đúng các quy định tại Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán.

2 . BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

2.1 . Danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm 30/06/2026

- Tỷ lệ danh mục đầu tư của Quỹ

Danh mục đầu tư	30/06/2026	30/06/2025	30/06/2024
Trái phiếu	74,19%	67,02%	68,80%
Cổ phiếu	-	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	20,96%	27,07%	12,07%
Hợp đồng tiền gửi	-	-	-
Tài sản khác	4,85%	5,91%	19,13%
Tổng tài sản	100,00%	100,00%	100,00%

- Các chỉ tiêu về giá trị tài sản ròng (NAV) và Giá trị ròng trên một đơn vị quỹ:

Nội dung	30/06/2026	30/06/2025	30/06/2024
Giá trị tài sản ròng (VND)	18.312.031.549	58.910.170.675	82.465.553.593
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (VND/CCQ)	15.271,39	15.466,31	14.124,64
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành trong kỳ báo cáo	1.199.106,85	3.808.934,89	5.838.414,52
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	17.534,11	16.837,10	15.111,63
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	14.933,17	14.233,82	13.016,84

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội

- Tổng lợi nhuận của Quỹ: (đơn vị: VNĐ)

Nội dung	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
(1) Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư trong đó: (1.1+1.2+1.3)	981.750.375	1.853.528.656	2.588.769.260
1.1 Cổ tức, trái tức được nhận từ trái phiếu	1.265.817.240	1.874.840.205	2.240.171.711
1.2 Lãi được nhận từ CCTG và HĐTG	240.755.879	547.732.294	980.539.455
1.3 Chi phí	(524.822.744)	(569.043.843)	(631.941.906)
2. Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	(153.424.427)	1.398.946.158	1.163.415.695
3. Tổng lợi nhuận của Quỹ trước thuế	828.325.948	3.252.474.814	3.752.184.955

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ: Không có;

- Thời điểm phân chia lợi nhuận: Không có;

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: Không có;

- Các chỉ tiêu về Tỷ lệ chi phí hoạt động, tốc độ vòng quay danh mục của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch (nếu có);

Chỉ tiêu	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Tỷ lệ chi phí hoạt động	2,96%	1,96%	1,62%
Tốc độ vòng quay danh mục	106,98%	79,12%	21,42%

2.2 . Chỉ tiêu về lợi nhuận của Quỹ

Tổng lợi nhuận bình quân năm của Quỹ phát sinh trong thời hạn 36 tháng:

Chỉ tiêu	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Lợi nhuận bình quân	828.325.948	3.252.474.814	3.752.184.955

2.3 . Các chỉ tiêu so sánh khác bảo đảm nguyên tắc tuân thủ

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: Phương pháp giá trị tài sản được quy định trong sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý Quỹ và được rà soát bởi Ngân hàng Giám sát BIDV - Chi nhánh Hà Thành.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Giá chứng khoán được cung cấp bởi các cơ quan và tổ chức uy tín trên thị trường như Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2.4 . Các khuyến cáo cho nhà đầu tư

Báo cáo đã nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3 . BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty Quản lý Quỹ bao gồm các nội dung sau:

3.1 . Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý Quỹ:

Trong kỳ Quỹ không có việc thay đổi Công ty Quản lý Quỹ.

3.2 . Thuyết minh về việc Quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư

Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026, Quỹ đã ghi nhận mức tăng trưởng 1,36%, tương đương với mức tăng trưởng quy đổi năm là 2,72%/năm.

3.3 . So sánh kết quả lợi nhuận của Quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị)

Quỹ không có danh mục tham chiếu nên không thực hiện nội dung này.

3.4 . Chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo

Hoạt động đầu tư của Quỹ được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng tập trung đầu tư vào các tài sản an toàn nhưng có lợi suất cố định tốt như chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu niêm yết và Hợp đồng tiền gửi. Công ty Quản lý Quỹ cũng nghiên cứu đánh giá các biến động của thị trường lãi suất, cũng như mức rủi ro tiềm ẩn của mỗi loại tài sản đầu tư để quyết định phân bổ tỷ trọng đầu tư phù hợp với mục tiêu của quỹ và các hạn chế theo luật chứng khoán liên quan;

3.5 . Đánh giá biến động của thị trường trong kỳ báo cáo

Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: Cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap);

Kinh tế vĩ mô

GDP sáu tháng đầu năm 2026 tăng 8,18% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2025 tăng 7,63%). Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,87%, đóng góp 5,66%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,81%, đóng góp 47,20%; khu vực dịch vụ tăng 8,09%, đóng góp 47,14%.

Về cơ cấu nền kinh tế sáu tháng đầu năm 2026, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 10,61%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,66%; khu vực dịch vụ chiếm 43,52%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,21% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2025 là 11,28%; 36,82%; 43,59%; 8,31%).

Về sử dụng GDP sáu tháng đầu năm 2026, tiêu dùng cuối cùng tăng 8,15% so với cùng kỳ năm 2025, tích lũy tài sản tăng 15,20%, xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 20,18%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 26,44%.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng sáu giảm 0,39% so với tháng trước ; tăng 3,21% so với tháng 12/2025 và tăng 4,69% so với cùng kỳ năm trước . CPI bình quân quý II/2026 tăng 5,25% so với quý II/2025. Bình quân sáu tháng đầu năm 2026, CPI tăng 4,38% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,12%.

Chỉ số giá vàng tháng sáu giảm 8,46% so với tháng Năm; tăng 24,11% so với cùng kỳ năm trước; giảm 2,72% so với tháng 12/2025; bình quân quý II/2026 tăng 36,84% so với cùng kỳ năm trước; bình quân sáu tháng đầu năm 2026 tăng 58,12%.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng sáu tăng 0,11% so với tháng trước; tăng 0,57% so với cùng kỳ năm trước; giảm 0,17% so với tháng 12/2025; bình quân quý II/2026 tăng 0,93%; bình quân sáu tháng đầu năm 2026 tăng 1,75%.

Kết luận

Trong 6 tháng đầu năm 2026, kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp; trong nước vẫn đối mặt với không ít khó khăn, thách thức. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và sự nỗ lực của các bộ, ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và người dân, tình hình kinh tế – xã hội tháng Sáu và 6 tháng đầu năm 2026 của nước ta đạt nhiều kết quả tích cực. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo, hoạt động sản xuất, kinh doanh tiếp tục phục hồi, nhiều ngành, lĩnh vực tăng trưởng khả quan, tạo nền tảng cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội năm 2026.

Thị trường lãi suất

Trong nửa đầu năm 2026, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ theo hướng chủ động, linh hoạt nhằm thực hiện mục tiêu hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong khi vẫn kiểm soát lạm phát, ổn định tỷ giá và đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng. Trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng tiếp tục ở mức cao và nhanh hơn tốc độ huy động vốn, thanh khoản hệ thống có thời điểm chịu áp lực đáng kể, đặc biệt trong quý I và đầu quý II. NHNN đã phối hợp linh hoạt các công cụ điều hành, bao gồm nghiệp vụ thị trường mở (OMO), tín phiếu và điều hành tỷ giá để ổn định thị trường tiền tệ, đồng thời yêu cầu các tổ chức tín dụng giữ ổn định mặt bằng lãi suất và tiết giảm chi phí để giảm lãi suất cho vay hỗ trợ doanh nghiệp và người dân.

Về lãi suất điều hành: NHNN tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành đã được duy trì từ các năm trước. Lãi suất tái cấp vốn duy trì ở mức khoảng 4,5%/năm, lãi suất tái chiết khấu ở mức 3,0%/năm, trong khi lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán tiếp tục được duy trì nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn với chi phí hợp lý. Việc không điều chỉnh lãi suất điều hành phản ánh định hướng ưu tiên ổn định chính sách tiền tệ trong bối cảnh Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) vẫn duy trì chính sách thận trọng và áp lực tỷ giá chưa hoàn toàn giảm bớt.

Mặt bằng lãi suất huy động: Lãi suất huy động trong nửa đầu năm 2026 có xu hướng tăng so với cuối năm 2025 do nhu cầu huy động vốn của các ngân hàng gia tăng nhằm đáp ứng tốc độ tăng trưởng tín dụng. Theo số liệu của NHNN, mặt bằng lãi suất tiền gửi bằng VND phổ biến ở mức 4,1% – 4,6%/năm đối với kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng; 5,9% – 7,4%/năm đối với kỳ hạn từ 6 đến dưới 12 tháng; và khoảng 5,7% – 7,6%/năm đối với kỳ hạn từ 12 tháng trở lên. Một số ngân hàng thương mại cổ phần quy mô vừa và nhỏ triển khai các chương trình huy động đặc biệt với mức lãi suất cao hơn để cải thiện thanh khoản, trong khi nhóm ngân hàng thương mại nhà nước tiếp tục duy trì mặt bằng lãi suất ở mức thấp hơn nhằm thực hiện chủ trương ổn định thị trường.

Lãi suất cho vay: Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và NHNN, các tổ chức tín dụng tiếp tục nỗ lực giảm chi phí hoạt động để duy trì mặt bằng lãi suất cho vay ở mức hợp lý. Lãi suất cho vay bằng VND đối với các khoản vay mới và dư nợ hiện hữu phổ biến trong khoảng 8,0% – 10,1%/năm, trong khi lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên được duy trì ở mức khoảng 3,9%/năm, thấp hơn mức trần quy định 4,0%/năm. Đối với các khoản vay trung và dài hạn, bất động sản hoặc tiêu dùng, lãi suất tiếp tục ở mức cao hơn tùy theo mức độ rủi ro và chính sách của từng ngân hàng.

Thị trường liên ngân hàng và nghiệp vụ thị trường mở: Diễn biến trên thị trường liên ngân hàng đầu năm 2026 cho thấy thanh khoản hệ thống có thời điểm chịu áp lực đáng kể khi tăng trưởng tín dụng vượt tốc độ huy động vốn. Lãi suất qua đêm trên thị trường liên ngân hàng biến động mạnh trong quý I, có thời điểm tăng lên mức rất cao trước khi hạ nhiệt nhờ NHNN bơm thanh khoản qua nghiệp vụ thị trường mở. NHNN tiếp tục sử dụng linh hoạt các công cụ OMO, duy trì lãi suất cho vay cầm cố trên thị trường mở quanh 4,5%/năm, đồng thời điều tiết thanh khoản kịp thời để hạn chế biến động quá mức trên thị trường tiền tệ và góp phần ổn định tỷ giá.

Kết luận:

Thị trường lãi suất Việt Nam 6 tháng đầu năm 2026 tiếp tục được điều hành theo định hướng ổn định nhằm hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng kinh tế và kiểm soát lạm phát. Trong khi NHNN duy trì mặt bằng lãi suất điều hành không thay đổi, lãi suất huy động có xu hướng tăng nhẹ do áp lực huy động vốn và tăng trưởng tín dụng, còn lãi suất cho vay cơ bản được giữ ổn định nhờ các biện pháp điều hành và chỉ đạo của NHNN. Thanh khoản hệ thống ngân hàng nhìn chung vẫn được đảm bảo, mặc dù có thời điểm chịu áp lực trên thị trường liên ngân hàng. Trong thời gian tới, diễn biến lãi suất sẽ tiếp tục phụ thuộc vào tốc độ tăng trưởng tín dụng, xu hướng huy động vốn, diễn biến tỷ giá, lạm phát trong nước và chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương lớn trên thế giới.

Thị trường Cổ phiếu

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026 diễn biến tích cực nhưng có nhiều biến động mạnh. Được hỗ trợ bởi nền tảng kinh tế vĩ mô duy trì tăng trưởng cao (GDP 6 tháng đầu năm tăng khoảng 8,09%), kết quả kinh doanh của nhiều doanh nghiệp niêm yết tiếp tục cải thiện và kỳ vọng về quá trình nâng hạng thị trường, VN-Index nhiều lần thiết lập đỉnh lịch sử mới trong nửa đầu năm. Tuy nhiên, thị trường cũng chịu áp lực điều chỉnh đáng kể do hoạt động chốt lời tại vùng giá cao, diễn biến chính sách tiền tệ toàn cầu và xu hướng bán ròng kéo dài của khối ngoại.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 30/6/2026, chỉ số VN-Index đạt 1.860,01 điểm, tăng khoảng 4,2% so với cuối năm 2025 và tăng trên 35% so với cùng kỳ năm trước. Trong 6 tháng đầu năm, chỉ số có thời điểm giảm mạnh xuống quanh 1.586 điểm vào cuối tháng 3 trước khi phục hồi nhanh và lập mức đỉnh lịch sử trên 1.930 điểm trong tháng 5, phản ánh tâm lý nhà đầu tư thay đổi nhanh trước các yếu tố trong và ngoài nước.

Kết luận:

Nhìn chung, 6 tháng đầu năm 2026, thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng mặc dù biến động lớn hơn so với năm 2025. Nền tảng kinh tế vĩ mô tích cực, lợi nhuận doanh nghiệp cải thiện và kỳ vọng nâng hạng thị trường tiếp tục là các yếu tố hỗ trợ quan trọng. Tuy nhiên, áp lực bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài, diễn biến chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương lớn và biến động của thị trường tài chính quốc tế vẫn là những yếu tố cần được theo dõi trong nửa cuối năm. Nếu môi trường vĩ mô tiếp tục ổn định và tiến trình nâng hạng thị trường được thúc đẩy, thị trường cổ phiếu Việt Nam được kỳ vọng sẽ duy trì triển vọng tích cực trong những tháng cuối năm 2026.

Thị trường Trái phiếu

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026 tiếp tục duy trì xu hướng phục hồi tích cực, được hỗ trợ bởi môi trường lãi suất tương đối ổn định, niềm tin của nhà đầu tư dần cải thiện và khung pháp lý ngày càng hoàn thiện. Hoạt động phát hành mới diễn ra sôi động hơn so với cùng kỳ năm 2025, đặc biệt ở nhóm tổ chức tín dụng và các doanh nghiệp có năng lực tài chính tốt. Theo số liệu của Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA), tổng giá trị phát hành TPDN trong 6 tháng đầu năm đạt khoảng 332.000 tỷ đồng, tăng trên 40% so với cùng kỳ năm trước, trong đó phát hành riêng lẻ tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu. Thị trường ghi nhận sự cải thiện về chất lượng phát hành khi các doanh nghiệp phát hành có hồ sơ tín dụng tốt hơn và công bố thông tin minh bạch hơn.

Ngành ngân hàng tiếp tục là động lực chính của thị trường với tổng giá trị phát hành khoảng 250.000 – 260.000 tỷ đồng, chiếm trên 75% tổng lượng phát hành. Mục đích phát hành chủ yếu nhằm tăng vốn cấp 2, bổ sung nguồn vốn trung và dài hạn, đáp ứng các yêu cầu về an toàn vốn theo Basel III và phục vụ nhu cầu tăng trưởng tín dụng. Lãi suất phát hành của nhóm ngân hàng phổ biến trong khoảng 5,3% – 7,2%/năm, kỳ hạn chủ yếu từ 5 – 10 năm, phản ánh mức độ tín nhiệm cao và khả năng huy động vốn thuận lợi của các tổ chức tín dụng.

Bên cạnh hoạt động phát hành mới, áp lực đáo hạn trái phiếu doanh nghiệp vẫn là vấn đề đáng lưu ý trong năm 2026. Theo VBMA, tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn trong năm 2026 ước khoảng 210.000 – 220.000 tỷ đồng, trong đó khoảng 45% thuộc nhóm doanh nghiệp bất động sản. Riêng trong 6 tháng đầu năm, nhiều doanh nghiệp đã chủ động mua lại trái phiếu trước hạn hoặc đàm phán gia hạn thời gian thanh toán với trái chủ nhằm giảm áp lực dòng tiền. Giá trị mua lại trước hạn tiếp tục duy trì ở mức cao, phản ánh xu hướng tái cơ cấu nguồn vốn và cải thiện bảng cân đối tài chính của doanh nghiệp.

Kết luận:

Nhìn chung, thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026 tiếp tục xu hướng phục hồi với quy mô phát hành tăng trưởng khá, chất lượng phát hành được cải thiện và niềm tin của nhà đầu tư dần được củng cố. Ngành ngân hàng tiếp tục giữ vai trò dẫn dắt thị trường, trong khi hoạt động phát hành của nhóm bất động sản đã có dấu hiệu khởi sắc nhưng vẫn còn thận trọng do áp lực tái cơ cấu tài chính và nghĩa vụ trái phiếu đến hạn. Trong nửa cuối năm 2026, triển vọng thị trường được đánh giá tích cực nhờ môi trường lãi suất ổn định, nhu cầu huy động vốn của doanh nghiệp gia tăng và quá trình hoàn thiện khung pháp lý, tuy nhiên vẫn cần theo dõi sát rủi ro đáo hạn trái phiếu, đặc biệt đối với nhóm doanh nghiệp bất động sản và các doanh nghiệp có đòn bẩy tài chính cao.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội

3.6 . Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ

Trong kỳ không có phát sinh việc chia, tách đơn vị quỹ.

3.7 . Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ

Trong kỳ không có các sự kiện ảnh hưởng trọng yếu tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ.

3.8 . Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan

Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối kỳ là 4,94%.

3.9 . Các thông tin khác

Không có.

4 . BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

4.1 . Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Tổng các chi phí ủy quyền trong giai đoạn tài chính sáu tháng đầu năm 2026	Giá trị
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VND)	178.200.000
Tổng chi phí ủy quyền/ Lợi nhuận (%)	21,51%
Tổng chi phí ủy quyền/Thu nhập ròng (%)	18,15%
Tổng chi phí ủy quyền/Tổng chi phí (%)	33,95%

4.2 . Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ

Không có

4.3 . Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền

Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Ngân hàng BIDV- chi nhánh Hà Thành nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

Tổng các chi phí ủy quyền trong giai đoạn tài chính sáu tháng đầu năm 2026	Giá trị (VND)
Phí quản trị quỹ	99.000.000
Phí đại lý chuyển nhượng	79.200.000
Tổng cộng	178.200.000

4.4 . Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và cơ sở hạ tầng của bên nhận ủy quyền

Theo đánh giá của PVCB Capital, VSD và BIDV – chi nhánh Hà Thành đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập. Vì vậy, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, dự phòng thảm họa và các bên nhận ủy quyền cho quỹ PVBF được đảm bảo hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư cũng như công ty quản lý quỹ.

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVCB Capital).

Trần Trọng./.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam



Nguyễn Ngô Minh

Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu PVcom ("Quỹ") cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành, các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch của Quỹ.

b) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên tại một số thời điểm, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ có phát sinh sai lệch, cụ thể như sau:

- Tại một số kỳ định giá, tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành của 1 tổ chức phát hành trên tổng tài sản của Quỹ chưa đảm bảo hạn mức tối đa 20% theo quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC, cụ thể như sau:

+ Tại kỳ định giá ngày 06/01/2026, từ kỳ định giá ngày 13/01/2026 đến kỳ định giá ngày 01/02/2026, tỷ lệ đầu tư vào trái phiếu BAF123020 trên tổng tài sản của Quỹ chưa đảm bảo hạn mức tối đa 20% theo quy định. Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định trong thời hạn cho phép.

+ Từ kỳ định giá ngày 27/01/2026 đến kỳ định giá ngày 01/02/2026, tại kỳ định giá ngày 25/02/2026, từ kỳ định giá ngày 10/03/2026 đến kỳ định giá ngày 04/06/2026, tỷ lệ đầu tư vào trái phiếu VMH121025 trên tổng tài sản của Quỹ chưa đảm bảo hạn mức tối đa 20% theo quy định. Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định trong thời hạn cho phép.

+ Từ kỳ định giá ngày 13/05/2026 đến kỳ định giá ngày 01/07/2026 (kỳ định giá báo cáo tháng 6/2026), tỷ lệ đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi Công ty tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội trên tổng tài sản của Quỹ chưa đảm bảo hạn mức tối đa 20% theo quy định.

+ Từ kỳ định giá ngày 13/01/2026 đến kỳ định giá ngày 14/01/2026, từ kỳ định giá ngày 16/06/2026 đến kỳ định giá ngày 01/07/2026 (kỳ định giá báo cáo tháng 6/2026), tỷ lệ đầu tư trái phiếu MSN123009 trên tổng tài sản của Quỹ chưa đảm bảo hạn mức tối đa 20% theo quy định.

- Từ kỳ định giá ngày 15/01/2026 đến kỳ định giá ngày 21/01/2026; tại kỳ định giá ngày 03/02/2026, tỷ lệ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác trên giá trị tài sản ròng của Quỹ chưa đảm bảo hạn mức tối thiểu 80% theo quy định tại Khoản 14 Điều 2 Thông tư 98/2020/TT-BTC. Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định trong thời hạn cho phép.

- Tại các kỳ định giá ngày 27/01/2026 và 29/01/2026, từ kỳ định giá ngày 09/04/2026 đến kỳ định giá ngày 04/06/2026, tỷ lệ đầu tư vào các loại tài sản quy định tại Điểm a, b, d, đ, e và h Khoản 2 Điều 17 Thông tư 136/2025/TT-BTC được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau trên tổng giá trị tài sản của Quỹ chưa đảm bảo hạn mức tối đa 30% theo quy định tại Điểm d Khoản 6 Điều 17 Thông tư 136/2025/TT-BTC. Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định trong thời hạn cho phép.

- Từ kỳ định giá ngày 13/01/2026 đến kỳ định giá ngày 02/04/2026, tỷ lệ đầu tư vào Trái phiếu Doanh nghiệp phát hành riêng lẻ trên tổng tài sản chưa đảm bảo hạn mức tối đa 10% theo quy định tại Điểm đ Khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC. Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định trong thời hạn cho phép.



QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội

- c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- e) Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026



ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Mỹ Linh

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT *QV*

Nguyễn Quỳnh Vân



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Nhà đầu tư và Ban Đại diện
Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM được lập ngày 12 tháng 08 năm 2026, từ trang 15 đến trang 42, bao gồm: Báo cáo thu nhập giữa niên độ, Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ, Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty Quản lý quỹ

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam là Công ty Quản lý quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Trong 06 tháng đầu năm 2026, tại một số thời điểm, Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM chưa đáp ứng đầy đủ các hạn chế đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Đối với các trường hợp phát sinh, Ngân hàng giám sát đã thực hiện giám sát, đồng thời Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam đã báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và triển khai các biện pháp khắc phục theo quy định. Tuy nhiên, đến ngày 30/06/2026, Quỹ vẫn còn một số tỷ lệ đầu tư chưa đáp ứng các giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ, như được trình bày trong Báo cáo của Ngân hàng giám sát.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Tuấn Anh

Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2023-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building,

số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
			VND	VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		1.353.148.692	3.821.518.657
03	1.1 Tiền lãi được nhận	9	1.506.573.119	2.422.572.499
04	1.2 Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	10	(1.359.812.891)	51.102.802
05	1.3 Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	11	1.206.388.464	1.347.843.356
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		12.807.010	32.248.348
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư		12.807.010	32.248.348
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ	12	512.015.734	536.795.495
20.1	3.1 Phí quản lý quỹ mở		124.346.906	201.818.798
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở		90.308.747	90.433.016
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		33.000.000	33.000.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ mở		99.000.000	99.000.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		79.200.000	80.300.000
20.8	3.6 Chi phí kiểm toán		32.133.681	32.133.681
20.10	3.7 Chi phí hoạt động khác		54.026.400	110.000
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		828.325.948	3.252.474.814
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-
24.1	5.1 Thu nhập khác		-	-
24.2	5.2 Chi phí khác		-	-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		828.325.948	3.252.474.814
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(378.062.516)	1.904.631.458
32	6.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		1.206.388.464	1.347.843.356
40	VII CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VIII LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		828.325.948	3.252.474.814



Đỗ Thị Kim Cúc

Người lập

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026



Đỗ Thị Kim Cúc

Kế toán trưởng



Nguyễn Ngô Minh

Giám đốc

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building,

số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2026 VND	31/12/2025 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	3	109.701.226	1.191.678.043
111	1.1. Tiền gửi ngân hàng		109.701.226	1.191.678.043
	1.1.1 Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ quỹ/mua lại chứng chỉ quỹ		9.133.265	13.133.265
	1.1.2 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		100.567.961	1.178.544.778
120	2. Các khoản đầu tư thuần	4	27.240.768.541	53.923.204.408
121	2.1 Các khoản đầu tư		27.240.768.541	53.923.204.408
	2.1.1 Cổ phiếu		453.600	455.400
	2.1.2 Trái phiếu		21.240.314.941	38.922.749.008
	2.1.3 Chứng chỉ tiền gửi		6.000.000.000	15.000.000.000
130	3. Các khoản phải thu	5	1.279.008.534	1.966.932.878
133	3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		1.279.008.534	1.966.932.878
136	3.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		1.279.008.534	1.966.932.878
100	TỔNG TÀI SẢN		28.629.478.301	57.081.815.329
Mã số	NGUỒN VỐN		30/06/2026 VND	31/12/2025 VND
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ và Công ty quản lý quỹ		1.935.473	13.169.509
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		2.236.942	15.827.564
316	3. Chi phí phải trả		32.133.681	64.800.000
317	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		3.000.272	5.000.272
318	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ		10.172.363.123	5.132.993
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	6	105.777.261	161.972.293
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		10.317.446.752	265.902.631

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

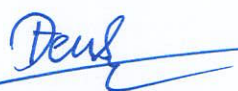
(tiếp)

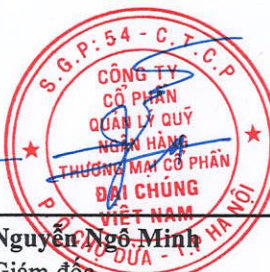
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2026 VND	31/12/2025 VND
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ	7	18.312.031.549	56.815.912.698
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		11.991.068.500	37.710.368.900
412	1.1 Vốn góp phát hành		346.865.982.300	345.901.373.000
413	1.2 Vốn góp mua lại		(334.874.913.800)	(308.191.004.100)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		(29.325.600.832)	(15.712.694.135)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	8	35.646.563.881	34.818.237.933
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		15.271,39	15.066,39
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ		-	-

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2026	31/12/2025
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành		1.199.106,85	3.771.036,89


Đỗ Thị Kim Cúc
Người lập


Đỗ Thị Kim Cúc
Kế toán trưởng


Nguyễn Ngô Minh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building,

số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG,
GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

STT	CHỈ TIÊU	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
		VND	VND
I.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ	56.815.912.698	60.478.721.529
II.	Thay đổi NAV trong kỳ	828.325.948	3.252.474.814
	Trong đó:		
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong kỳ	828.325.948	3.252.474.814
III.	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ (III=III.1-III.2)	(39.332.207.097)	(4.821.025.668)
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	1.453.502.316	7.899.583.719
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	(40.785.709.413)	(12.720.609.387)
IV.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ (IV= I+II+III)	18.312.031.549	58.910.170.675

Đỗ Thị Kim Cúc
Người lập

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Đỗ Thị Kim Cúc
Kế toán trưởng

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOMTầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026*

STT	Loại	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30/06/2026 (VND)	Tổng giá trị (VND)	Tỷ lệ trên Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ (%)
I.	Cổ phiếu niêm yết				
1.	Ngân hàng TMCP Quân đội - MBB	18	25.200,00	453.600	0,00%
	Tổng cộng	18		453.600	0,00%
II.	Trái phiếu				
II.1	Trái phiếu niêm yết	182.652		18.240.314.953	63,71%
1.	Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam - BAF123020	50.000	100.000,42	5.000.021.233	17,46%
2.	Tập đoàn Vingroup – Công ty CP - VIC123029	30.000	99.150,29	2.974.508.684	10,39%
3.	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan - MSN123009	60.000	99.688,64	5.981.318.457	20,89%
4.	Công ty Cổ phần Vinhomes - VHM121025	42.652	100.451,72	4.284.466.579	14,97%
II.2	Trái phiếu chưa niêm yết	30		2.999.999.988	10,48%
1.	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa - SBTH2427001	30	99.999.999,60	2.999.999.988	10,48%
	Tổng cộng	182.682		21.240.314.941	74,19%
III.	Các tài sản khác				
1.	Phải thu bán các khoản đầu tư			-	0,00%
2.	Dự thu lãi trái phiếu			699.326.342	2,44%
3.	Dự thu lãi chứng chỉ tiền			579.682.192	2,02%
	Tổng cộng			1.279.008.534	4,47%
III.	Tiền				
1.	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở			100.567.961	0,35%
2.	Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ quỹ/mua lại chứng chỉ quỹ			9.133.265	0,03%
3.	Chứng chỉ tiền gửi			6.000.000.000	20,96%
	Tổng cộng			6.109.701.226	21,34%
IV.	Tổng giá trị danh mục			28.629.478.301	100,00%

Đỗ Thị Kim Cúc

Người lập

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Đỗ Thị Kim Cúc

Kế toán trưởng



Nguyễn Ngô Minh

Giám đốc

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building,

số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày	Từ ngày
			01/01/2026 đến ngày 30/06/2026	01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		828.325.948	3.252.474.814
02	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(1.206.388.464)	(1.347.843.356)
03	- (- Lãi) hoặc (+ lỗ) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện		(1.206.388.464)	(1.347.843.356)
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		(378.062.516)	1.904.631.458
06	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản đầu tư		27.888.824.331	(2.724.863.760)
07	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán chứng khoán đầu tư		-	(110.000.000)
08	- (-) Tăng, (+) giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		687.924.344	(199.516.576)
11	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ		(11.234.036)	(5.767.746)
13	- (+) Tăng, (-) giảm Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(13.590.622)	-
14	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		(2.000.000)	(42.118.000)
15	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ		10.167.230.130	(111.169.419)
16	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả, phải nộp khác		(32.666.319)	(32.456.319)
17	- (+) Tăng, (-) giảm Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		(56.195.032)	(106.991.781)
19	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		38.250.230.280	(1.428.252.143)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ quỹ		1.453.502.316	7.899.583.719
32	2. Tiền chi mua lại Chứng chỉ quỹ		(40.785.709.413)	(12.720.609.387)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(39.332.207.097)	(4.821.025.668)
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		1.191.678.043	7.484.601.519
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		1.178.544.778	7.327.468.526
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		13.133.265	157.132.993
54	- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng		-	-
55	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ		109.701.226	1.235.323.708
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	3	109.701.226	1.235.323.708
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		100.567.961	1.204.295.891
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		9.133.265	31.027.817
60	VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG KỲ		(1.081.976.817)	(6.249.277.811)

Đỗ Thị Kim Cúc

Người lập

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Đỗ Thị Kim Cúc

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngô Minh

Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 . Thông tin về Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM được thành lập ngày 07 tháng 02 năm 2020 dưới hình thức Quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 29 tháng 11 năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký đại chúng số 41/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCK") cấp ngày 07 tháng 02 năm 2020. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào quỹ là 11.991.068.500 VND tương đương với 1.199.106,85 chứng chỉ quỹ.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ được ban hành 07 tháng 02 năm 2020 và sửa đổi bổ sung lần cuối theo thông báo sửa đổi Điều lệ Quỹ số 200/QLQ - PTKD ngày 23 tháng 04 năm 2026.

1.2 . Mục tiêu đầu tư

Quỹ hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư chủ yếu vào các trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng và một phần vào các tài sản khác với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại lợi nhuận dài hạn ổn định cho các nhà đầu tư. Trong trường hợp môi trường đầu tư tạm thời không phù hợp với các tài sản cố định nêu trên hoặc nhiều trường hợp khác biệt khác việc xem xét đầu tư sẽ do Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ban đại diện Quỹ xem xét quyết định phù hợp với thẩm quyền được Quy định trong Điều lệ Quỹ và các quy định khác của pháp luật.

1.3 . Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Ngày định giá

Ngày định giá là ngày xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ. Hiện tại, tần suất giao dịch của Quỹ là 03 lần/tuần vào ngày thứ Ba, thứ Tư và thứ Năm hàng tuần; đối với kỳ định giá hàng tháng, quý, năm, giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo. Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc tiếp theo liền sau đó.

Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ vào ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ được quy định tại Điều lệ Quỹ và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi Đơn vị quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị của các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị Quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn đến xuống hai (02) chữ số thập phân.

1.4 . Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Hiện tại, Nhà đầu tư mua, bán, chuyển đổi chứng chỉ quỹ định kỳ vào ngày thứ Ba, thứ Tư và thứ Năm hàng tuần ("ngày giao dịch"). Trong trường hợp ngày giao dịch chứng chỉ quỹ định kỳ nêu trên trùng vào các ngày nghỉ lễ, kể cả ngày nghỉ bù, làm bù theo quy định của pháp luật thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp hoặc ngày khác (nếu ngày kế tiếp vẫn là ngày nghỉ lễ) theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo về ngày giao dịch bù này trước ít nhất hai (02) tuần trên trang web của Công ty Quản lý Quỹ.

Việc tăng/giảm tần suất giao dịch sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thông báo công khai tại bản cáo bạch, thông báo cho Ngân hàng Giám sát và công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Việc tăng/giảm tần suất này sẽ được báo cáo Đại hội Nhà đầu tư gần nhất kế tiếp và cập nhật trong Điều lệ của Quỹ.

Việc tăng/giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư gần nhất thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

1.5 . Hạn chế đầu tư

Thông tin về hạn chế đầu tư đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch và Điều lệ hoạt động của Quỹ.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI QUỸ**2.1 . Kỳ kế toán sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 . Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được lập theo chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Hình thức kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành Công ty quản lý quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm: Ước tính giá trị hợp lý của các loại tài sản hiện có của Quỹ.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Quỹ và được Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ đánh giá là hợp lý.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

2.6 . Các khoản đầu tư

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và chuẩn bị niêm yết trong vòng 12 tháng (kể từ ngày giao dịch), trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành, giấy tờ có giá và các công cụ thu nhập cố định khác.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua và không bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào báo cáo thu nhập.

Đối với khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc, trên khoản mục "dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên Báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc sau:

- Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ

Định giá lại cho mục đích xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại điều lệ Quỹ và thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư Quỹ hiện đang nắm giữ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Điều lệ, Bản cáo bạch và Sổ tay định giá của Quỹ.

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi không kỳ hạn	Toàn bộ số dư tiền gửi thanh toán, tiền gửi không kỳ hạn tại ngày trước Ngày định giá.
4.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
5.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	1. Đối với công cụ thị trường tiền tệ niêm yết: - Giá được xác định dựa trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán, bao gồm Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh ("HSX") và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX"), theo ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá. - Trường hợp không có giao dịch trong hơn hai (02) tuần trước Ngày định giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày định giá; + Theo phương pháp do Ban đại diện quỹ quyết định. 2. Đối với công cụ thị trường tiền tệ chưa niêm yết, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau: - Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày định giá; - Theo phương pháp do Ban đại diện quỹ quyết định.
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	- Giá thị trường là Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 15 (mười lăm) ngày tính đến ngày trước Ngày định giá, cộng lãi lũy kế. Nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế, cụ thể như sau: + Trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh: Là giá sạch cuối ngày của trái phiếu trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá, cộng lãi lũy kế. + Trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội: Là giá yết cuối ngày thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá, cộng lãi lũy kế. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 (mười lăm) ngày tính đến Ngày định giá hoặc giá thị trường có biến động lớn, thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

7.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước Ngày định giá; - Trong trường hợp không có giá yết trên hệ thống báo giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. - Đối với trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu: Tại ngày trước ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định theo cơ sở giá trái phiếu không niêm yết như trên. Tại ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định như các tiêu chí của mục Cổ phiếu.
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, và cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM.	- Giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 (mười lăm) ngày tính đến Ngày định giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: + Giá mua; + Giá trị sổ sách; + Theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch.	- Giá trị trung bình dựa trên báo giá của 03 (ba) tổ chức báo giá tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của 03 (ba) tổ chức báo giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: + Giá trung bình từ các báo giá (nếu có từ 02 (hai) tổ chức báo giá cung cấp); + Nếu không có đủ 02 (hai) báo giá: Giá đã được xác định từ kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá 03 (ba) tháng tính đến Ngày định giá; + Giá mua; + Giá theo phương pháp giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: + Giá đóng cửa gần nhất (nhưng không quá 03 tháng) tính đến Ngày định giá; + Giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính gần nhất (nhưng không quá 06 tháng) tính đến Ngày định giá; + Theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

12.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận
13.	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = $\text{Max} \{0; (\text{Giá cổ phiếu} - \text{Giá phát hành quyền mua}) \times \text{Tỷ lệ chuyển đổi}\}$ Giá cổ phiếu được xác định theo các tiêu chí tại các mục 8, 9, 10, 11 và 12 ở trên.
Chứng khoán phái sinh		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 15 ngày trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt khi quyền được ghi nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.7 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi Ngân hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Quỹ dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ trên báo cáo thu nhập.

2.8 . Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao ban đại diện quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

2.9 . Vốn chủ sở hữu*Vốn chủ sở hữu*

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của Nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi quỹ thành lập.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành/ mua lại.

Thặng dư vốn bao gồm: Thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại

- Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn góp không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ
- Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá đơn vị Quỹ mua lại và mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu, sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

Lợi nhuận phân phối cho Nhà Đầu tư

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/ tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà Đầu tư, phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

2.10 . Giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản của Quỹ (trong trường hợp không xác định được giá trị thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.

Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc như nêu trên.

Giá trị đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và được làm tròn xuống đến 02 số thập phân.

2.11 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế mà giá trị có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Tiền lãi được ghi nhận là doanh thu trên cơ sở dồn tích có tính lãi đầu tư thực tế của tài sản trừ đi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là cổ đông được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Quỹ mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu theo đối ngoại bằng.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty chứng khoán và Ngân hàng giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

2.12 . Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu bao gồm:

Giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Giá dịch vụ quản lý là 0,7%/năm tính trên tổng giá trị Tài sản ròng của Quỹ vào ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ vào ngày định giá, và được trả sau cho Công ty Quản lý Quỹ trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ. Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

$$\text{Giá dịch vụ quản lý} = 0,7\% \times \text{Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}.$$

Trường hợp tăng Giá dịch vụ quản lý phải được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Trong mọi trường hợp, tổng số giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng không vượt quá mức tối đa 2%/năm theo quy định của pháp luật hiện hành.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát

Giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát là 0,02%/năm trên Tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VNĐ (năm triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát = 0,02% * Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)

Giá dịch vụ Lưu Ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,06%/năm trên Tổng giá trị tài sản ròng với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ lưu ký = 0,06% * Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)

Giá dịch vụ lưu ký, chưa bao gồm giá dịch vụ xử lý giao dịch cho các giao dịch chứng khoán và giá dịch vụ trả cho Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam (chi phí bên thứ ba).

Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ là 0,03%/năm trên Giá trị tài sản ròng với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ = 0,03% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

STT	Loại phí	Mức giá dịch vụ (không bao gồm thuế GTGT)
1	Giá dịch vụ cố định hàng tháng	12.000.000 VND/tháng
2	Giá dịch vụ thực ực hiện quyền	
	- Lập danh sách thực hiện quyền	7.000.000 VND/lần lập danh sách
	- Phân phối cổ tức	Miễn phí

Phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ

Chi phí khác

Chi phí khác được pháp luật cho phép

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

2.13 . Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

2.14 . Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở không được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ thì được hiểu là có số dư bằng không.

2.15 . Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân sửa đổi với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính; Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức chi trả.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Quỹ bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ, bao gồm cả công ty quản lý quỹ và các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của công ty quản lý quỹ;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những nhân sự quản lý chủ chốt của Quỹ, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Quỹ cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2026</u>	<u>31/12/2025</u>
	VND	VND
Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ quỹ/mua lại chứng chỉ quỹ	9.133.265	13.133.265
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở	100.567.961	1.178.544.778
	<u><u>109.701.226</u></u>	<u><u>1.191.678.043</u></u>

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN

	Giá mua	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối kỳ	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
	VND	VND	Chênh lệch đánh giá tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	VND
Tại ngày 30/06/2026					
I. Cổ phiếu niêm yết					
1 MBB	194.855	453.600	258.745	-	453.600
	194.855	453.600	258.745	-	453.600
II. Trái phiếu					
II.1 Trái phiếu niêm yết					
1. Trái phiếu doanh nghiệp - BAF123020 ⁽¹⁾	21.562.109.806	21.240.314.941	292.592.571	(614.387.436)	21.240.314.941
2. Trái phiếu doanh nghiệp - VIC123029 ⁽²⁾	18.562.109.796	18.240.314.953	292.592.571	(614.387.414)	18.240.314.953
3. Trái phiếu doanh nghiệp - MSN123009 ⁽³⁾	4.707.428.662	5.000.021.233	292.592.571	-	5.000.021.233
4. Trái phiếu doanh nghiệp - VHM121025 ⁽⁴⁾	3.008.202.671	2.974.508.684	-	(33.693.987)	2.974.508.684
II.2 Trái phiếu chưa niêm yết					
1. Trái phiếu doanh nghiệp - SBTH2427001 ⁽⁵⁾	6.106.395.257	5.981.318.457	-	(125.076.800)	5.981.318.457
III. Đầu tư ngắn hạn khác					
1. Chứng chỉ tiền gửi - SHBFC240325.01	4.740.083.206	4.284.466.579	-	(455.616.627)	4.284.466.579
	3.000.000.010	2.999.999.988	-	(22)	2.999.999.988
	3.000.000.010	2.999.999.988	-	(22)	2.999.999.988
	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000
	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000
	27.562.304.661	27.240.768.541	292.851.316	(614.387.436)	27.240.768.541

Thông tin về các khoản đầu tư thuần tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2025 như sau:

- (1) - Trái phiếu niêm yết do Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam phát hành có kỳ hạn 03 năm, đáo hạn ngày 04/07/2026, trả lãi 06 tháng/lần
- (2) - Trái phiếu niêm yết do Tập đoàn Vingroup – Công ty Cổ phần phát hành có kỳ hạn 03 năm, đáo hạn ngày 14/09/2026, trả lãi 06 tháng/lần
- (3) - Trái phiếu niêm yết do Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan phát hành có kỳ hạn 54 tháng, đáo hạn ngày 22/08/2027, trả lãi 06 tháng/lần
- (4) - Trái phiếu niêm yết do Công ty cổ phần Vinhomes phát hành có kỳ hạn 05 năm, đáo hạn ngày 25/11/2026, trả lãi 06 tháng/lần
- (5) - Trái phiếu chưa niêm yết do Công ty Cổ phần Thành Công – Biên Hòa phát hành có kỳ hạn 05 năm, đáo hạn ngày 29/01/2029, trả lãi 06 tháng/lần.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN

	Giá mua	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối kỳ	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
	VND	VND	Chênh lệch đánh giá tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	VND
Tại ngày 31/12/2025					
I. Cổ phiếu niêm yết					
1. MBB	194.855	455.400	260.545	-	455.400
	194.855	455.400	260.545	-	455.400
II. Trái phiếu niêm yết					
1. Trái phiếu doanh nghiệp - BAF123020	35.450.934.121	33.922.748.992	723.184.430	(2.251.369.559)	33.922.748.992
2. Trái phiếu doanh nghiệp - MSN123009	9.314.943.625	10.038.128.055	723.184.430	-	10.038.128.055
3. Trái phiếu doanh nghiệp - VIC123029	11.936.880.075	10.741.462.500	-	(1.195.417.575)	10.741.462.500
4. Trái phiếu doanh nghiệp - VHM121025	5.013.671.118	4.977.976.027	-	(35.695.091)	4.977.976.027
III. Trái phiếu chưa niêm yết					
1. Trái phiếu doanh nghiệp - SBTH2427001	9.185.439.303	8.165.182.410	-	(1.020.256.893)	8.165.182.410
	5.000.000.016	5.000.000.016	-	-	5.000.000.016
	5.000.000.016	5.000.000.016	-	-	5.000.000.016
IV. Đầu tư ngắn hạn khác					
1. Chứng chỉ tiền gửi - SHBFC240325.01	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	6.000.000.000
	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000
2. Chứng chỉ tiền gửi - VIETCREDIT110725	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-	-
	55.451.128.992	53.923.204.408	723.444.975	(2.251.369.559)	44.923.204.408

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOMTầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

	30/06/2026	31/12/2025
	VND	VND
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu niêm yết phát sinh trong kỳ	579.860.588	1.122.905.480
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu chưa niêm yết phát sinh trong kỳ	119.465.754	203.013.700
Dự thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá	579.682.192	641.013.698
	1.279.008.534	1.966.932.878

6 . PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	30/06/2026	31/12/2025
	VND	VND
Phải trả phí dịch vụ quản lý Quỹ mở	55.534.114	111.699.750
Phải trả phí dịch vụ lưu ký tài sản	15.043.147	15.072.543
Phải trả phí dịch vụ giám sát	5.500.000	5.500.000
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	16.500.000	16.500.000
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	13.200.000	13.200.000
	105.777.261	161.972.293

7 . TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Biến động vốn góp trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 như sau:

	Đơn vị	01/01/2026 VND	Phát sinh trong kỳ VND	30/06/2026 VND
Vốn góp phát hành				
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	CCQ	34.590.137,30	96.460,93	34.686.598,23
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	11.734,81	15.068,30	11.744,08
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	345.901.373.000	964.609.300	346.865.982.300
Thặng dư vốn	VND	60.007.170.515	488.893.016	60.496.063.531
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	VND	405.908.543.515	1.453.502.316	407.362.045.831
Vốn góp mua lại				
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	CCQ	(30.819.100,41)	(2.668.390,97)	(33.487.491,38)
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	12.456,91	15.284,76	12.682,25
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	(308.191.004.100)	(26.683.909.700)	(334.874.913.800)
Thặng dư vốn	VND	(75.719.864.650)	(14.101.799.713)	(89.821.664.363)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	VND	(383.910.868.750)	(40.785.709.413)	(424.696.578.163)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	CCQ	3.771.036,89	(2.571.930,04)	1.199.106,85
Giá trị vốn góp hiện hành	VND	21.997.674.765	(39.332.207.097)	(17.334.532.332)
Lợi nhuận chưa phân phối	VND	34.818.237.933	828.325.948	35.646.563.881
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	VND	56.815.912.698		18.312.031.549
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	VND/ CCQ	15.066,39		15.271,39

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Biến động vốn góp trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 như sau:

	Đơn vị	01/01/2025 VND	Phát sinh trong kỳ VND	30/06/2025 VND
Vốn góp phát hành				
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	CCQ	31.773.753,27	534.988,09	32.308.741,36
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	11.451,18	14.765,91	11.506,07
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	317.737.532.700	5.349.880.900	323.087.413.600
Thặng dư vốn	VND	46.109.568.822	2.549.702.819	48.659.271.641
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	VND	363.847.101.522	7.899.583.719	371.746.685.241
Vốn góp mua lại				
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	CCQ	(27.634.186,67)	(865.619,80)	(28.499.806,47)
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	12.156,77	14.695,38	12.233,88
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	(276.341.866.700)	(8.656.198.000)	(284.998.064.700)
Thặng dư vốn	VND	(59.600.699.439)	(4.064.411.387)	(63.665.110.826)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	VND	(335.942.566.139)	(12.720.609.387)	(348.663.175.526)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	CCQ	4.139.566,60	(330.631,71)	3.808.934,89
Giá trị vốn góp hiện hành	VND	27.904.535.383	(4.821.025.668)	23.083.509.715
Lợi nhuận chưa phân phối	VND	32.574.186.146	3.252.474.814	35.826.660.960
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	VND	60.478.721.529		58.910.170.675
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	VND/ CCQ	14.609,91		15.466,31

8 . LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	30/06/2026 VND	31/12/2025 VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	34.818.237.933	32.574.186.146
Lợi nhuận thuần trong kỳ	828.325.948	2.244.051.787
- Lợi nhuận đã thực hiện	(378.062.516)	3.549.884.433
- Lợi nhuận chưa thực hiện	1.206.388.464	(1.305.832.646)
	35.646.563.881	34.818.237.933

9 . TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 VND	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.239.440	2.543.252
Lãi chứng chỉ tiền gửi	238.516.439	545.189.042
Lãi trái phiếu	1.265.817.240	1.874.840.205
	1.506.573.119	2.422.572.499

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVMOM

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

10 LÃI, LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Tổng giá trị bán trong kỳ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoán trong kỳ	Lãi/lỗ bán chứng khoán từ kỳ trước
	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu niêm yết	21.355.385.000	22.726.451.448	(1.371.066.448)	51.090.473
Trái phiếu niêm yết đáo hạn	-	-	-	12.329
Trái phiếu chưa niêm yết	2.049.878.220	2.034.876.718	15.001.502	-
Chứng chỉ tiền gửi	9.296.100.000	9.299.847.945	(3.747.945)	-
	32.701.363.220	34.061.176.111	(1.359.812.891)	51.102.802

11 CHÉNH LỆCH TĂNG, GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch theo đánh giá lại cuối kỳ	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu kỳ	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán trong kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	194.855	453.600	258.745	260.545	(1.800)
Trái phiếu	21.562.109.806	21.240.314.941	(321.794.865)	(1.528.185.129)	1.206.390.264
Chứng chỉ tiền gửi	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	-
	27.562.304.661	27.240.768.541	(321.536.120)	(1.527.924.584)	1.206.388.464

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOMTầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

12 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
	VND	VND
Phí quản lý quỹ mở	124.346.906	201.818.798
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	90.308.747	90.433.016
Phí dịch vụ giám sát	33.000.000	33.000.000
Phí dịch vụ quản trị quỹ mở	99.000.000	99.000.000
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	79.200.000	80.300.000
Chi phí kiểm toán	32.133.681	32.133.681
Chi phí hoạt động khác	54.026.400	110.000
	512.015.734	536.795.495

13 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Quỹ bao gồm:

	30/06/2026		31/12/2025	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	109.701.226	109.701.226	1.191.678.043	1.191.678.043
Các khoản đầu tư thuần	27.562.304.661	27.240.768.541	55.451.128.992	53.923.204.408
Các khoản phải thu	1.279.008.534	1.279.008.534	1.966.932.878	1.966.932.878
	28.951.014.421	28.629.478.301	58.609.739.913	57.081.815.329

	30/06/2026		31/12/2025	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả chi phí về quản lý quỹ mở	107.712.734	107.712.734	175.141.802	175.141.802
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua, mua lại Chứng chỉ quỹ	10.175.363.395	10.175.363.395	10.133.265	10.133.265
Chi phí phải trả và phải trả, phải nộp khác	32.133.681	32.133.681	64.800.000	64.800.000
	10.315.209.810	10.315.209.810	250.075.067	250.075.067

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Quỹ bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Đối với các tài sản là tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, rủi ro này là không có do giá trị và dòng tiền từ tài sản không bị thay đổi bởi các yếu tố thị trường.

Đối với trái phiếu có lãi suất cố định, mặc dù biến động của lãi suất thị trường có thể ảnh hưởng tới giá của trái phiếu tại từng thời điểm nhưng lại không tác động tới tổng dòng tiền của tài sản đến cuối năm do Quỹ không nắm giữ với mục đích chờ tăng giá mà chủ yếu là nắm giữ tới đáo hạn.

Đối với các tài sản là trái phiếu có lãi suất thả nổi theo biên độ, rủi ro thị trường (giá trái phiếu) là không đáng kể do biến động dòng tiền trong tương lai thường thay đổi song hành cùng với tỷ suất chiết khấu trái phiếu theo biến động của thị trường. Định hướng, chiến lược đầu tư cũng tập trung vào các tài sản có lãi suất thả nổi để giảm thiểu tối đa biến động của giá thị trường tới giá trị tài sản trong kỳ.

Rủi ro tiền tệ:

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Quỹ. Quỹ có các rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp).

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng có uy tín ở Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các loại trái phiếu doanh nghiệp được Quỹ nắm giữ là trái phiếu của doanh nghiệp có uy tín tại Việt Nam, được nghiên cứu và phân tích kỹ lưỡng trước khi thực hiện đầu tư và được đa dạng hóa nhằm giảm thiểu rủi ro tối đa.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng, tổ chức phát hành...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính có thanh khoản cao, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát
Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

14 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

STT	Ngày tính NAV	NAV	Số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày tính NAV	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV	Tăng/ (giảm) NAV/đơn vị Quỹ
		VND	VND	VND	VND
	31/12/2025	56.815.912.698	3.771.036,89	15.066,39	0,00
1	04/01/2026	56.855.869.521	3.771.036,89	15.076,98	10,59
2	05/01/2026	66.118.944.995	3.770.873,55	17.534,11	2.457,13
3	06/01/2026	56.879.599.192	3.768.137,94	15.094,88	(2.439,23)
4	07/01/2026	57.066.687.967	3.779.886,29	15.097,46	2,58
5	12/01/2026	46.963.665.789	3.100.239,69	15.148,39	50,93
6	13/01/2026	46.866.784.268	3.091.441,65	15.160,17	11,78
7	14/01/2026	46.758.617.074	3.091.705,49	15.123,89	(36,28)
8	19/01/2026	47.475.126.136	3.091.737,99	15.355,48	231,59
9	20/01/2026	46.886.863.492	3.089.752,03	15.174,96	(180,52)
10	21/01/2026	46.004.791.170	2.855.264,09	16.112,27	937,31
11	26/01/2026	37.872.533.001	2.520.843,17	15.023,75	(1.088,52)
12	27/01/2026	37.840.199.480	2.515.644,49	15.041,95	18,20
13	28/01/2026	38.237.314.767	2.539.647,23	15.056,15	14,20
14	31/01/2026	38.133.767.263	2.544.422,62	14.987,19	(68,96)
15	02/02/2026	38.046.384.026	2.544.422,62	14.952,85	(34,34)
16	03/02/2026	37.726.672.377	2.522.958,26	14.953,34	0,49
17	04/02/2026	37.682.360.384	2.523.398,81	14.933,17	(20,17)
18	09/02/2026	37.717.227.867	2.510.711,05	15.022,52	89,35
19	10/02/2026	37.287.005.481	2.484.376,45	15.008,59	(13,93)
20	11/02/2026	36.966.631.580	2.462.458,64	15.012,08	3,49
21	18/02/2026	36.805.324.322	2.459.129,77	14.966,80	(45,28)
22	22/02/2026	36.828.155.716	2.459.129,77	14.976,09	9,29
23	23/02/2026	36.790.376.320	2.459.129,77	14.960,72	(15,37)
24	24/02/2026	37.010.152.214	2.458.107,87	15.056,35	95,63
25	25/02/2026	36.606.656.264	2.441.982,84	14.990,54	(65,81)
26	28/02/2026	36.415.749.727	2.423.929,27	15.023,43	32,89
27	02/03/2026	36.483.360.400	2.423.929,27	15.051,33	27,90
28	03/03/2026	36.345.193.077	2.417.624,27	15.033,43	(17,90)
29	04/03/2026	36.350.726.858	2.417.704,94	15.035,22	1,79
30	09/03/2026	36.070.663.450	2.391.779,29	15.081,10	45,88
31	10/03/2026	35.869.042.548	2.386.809,20	15.028,03	(53,07)
32	11/03/2026	35.526.534.063	2.361.302,64	15.045,31	17,28
33	16/03/2026	35.497.772.443	2.355.300,02	15.071,44	26,13
34	17/03/2026	35.309.677.835	2.347.641,47	15.040,48	(30,96)
35	18/03/2026	35.298.284.433	2.348.571,57	15.029,68	(10,80)
36	23/03/2026	35.334.934.192	2.345.160,52	15.067,17	37,49
37	24/03/2026	35.158.350.464	2.337.191,88	15.042,98	(24,19)
38	25/03/2026	35.127.038.233	2.335.150,24	15.042,73	(0,25)
39	30/03/2026	35.044.606.081	2.327.922,73	15.054,02	11,29
40	31/03/2026	34.755.627.256	2.302.747,30	15.093,11	39,09
41	01/04/2026	34.693.881.954	2.302.510,41	15.067,85	(25,26)
42	06/04/2026	34.756.452.150	2.298.461,91	15.121,61	53,76
43	07/04/2026	34.447.239.721	2.277.562,87	15.124,60	2,99
44	08/04/2026	34.442.956.567	2.275.074,26	15.139,26	14,66

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát
Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

14 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

STT	Ngày tính NAV	NAV	Số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày tính NAV	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV	Tăng/ (giảm) NAV/đơn vị Quỹ
		VND	VND	VND	VND
45	13/04/2026	34.522.080.095	2.274.134,88	15.180,31	41,05
46	14/04/2026	34.316.500.874	2.265.937,16	15.144,50	(35,81)
47	15/04/2026	34.221.734.939	2.262.683,19	15.124,40	(20,10)
48	20/04/2026	34.305.621.638	2.259.623,42	15.182,00	57,60
49	21/04/2026	34.244.124.104	2.255.247,70	15.184,19	2,19
50	22/04/2026	34.194.087.986	2.255.237,49	15.162,07	(22,12)
51	27/04/2026	32.763.759.288	2.152.723,41	15.219,67	57,60
52	28/04/2026	32.682.882.135	2.150.106,66	15.200,58	(19,09)
53	29/04/2026	32.658.754.404	2.150.238,22	15.188,43	(12,15)
54	30/04/2026	32.627.897.887	2.150.238,22	15.174,08	(14,35)
55	03/05/2026	32.642.618.259	2.150.238,22	15.180,93	6,85
56	04/05/2026	32.580.655.632	2.150.304,09	15.151,65	(29,28)
57	05/05/2026	32.529.125.892	2.146.370,12	15.155,41	3,76
58	06/05/2026	32.712.551.691	2.144.601,75	15.253,43	98,02
59	11/05/2026	32.550.789.552	2.143.193,43	15.187,98	(65,45)
60	12/05/2026	32.301.864.164	2.139.181,72	15.100,10	(87,88)
61	13/05/2026	32.350.940.919	2.137.406,39	15.135,60	35,50
62	18/05/2026	32.251.560.813	2.137.406,39	15.089,11	(46,49)
63	19/05/2026	32.375.037.111	2.134.751,04	15.165,72	76,61
64	20/05/2026	32.393.503.504	2.128.835,44	15.216,53	50,81
65	25/05/2026	32.346.866.458	2.128.271,66	15.198,65	(17,88)
66	26/05/2026	32.070.162.738	2.122.781,65	15.107,61	(91,04)
67	27/05/2026	32.218.742.046	2.121.861,39	15.184,18	76,57
68	31/05/2026	31.703.442.330	2.081.793,40	15.228,90	44,72
69	01/06/2026	31.676.354.643	2.081.793,40	15.215,89	(13,01)
70	02/06/2026	31.460.106.915	2.065.895,29	15.228,31	12,42
71	03/06/2026	31.486.985.359	2.066.138,25	15.239,53	11,22
72	08/06/2026	31.468.232.518	2.066.367,89	15.228,76	(10,77)
73	09/06/2026	31.153.121.799	2.046.203,80	15.224,83	(3,93)
74	10/06/2026	28.661.366.579	1.881.906,03	15.229,96	5,13
75	15/06/2026	28.711.759.403	1.882.685,44	15.250,42	20,46
76	16/06/2026	28.726.172.243	1.883.407,97	15.252,23	1,81
77	17/06/2026	28.734.947.312	1.883.407,97	15.256,88	4,65
78	22/06/2026	28.508.182.693	1.872.493,02	15.224,72	(32,16)
79	23/06/2026	28.440.673.949	1.869.170,28	15.215,66	(9,06)
80	24/06/2026	28.357.008.656	1.869.170,28	15.170,90	(44,76)
81	29/06/2026	28.473.053.138	1.865.005,53	15.267,00	96,10
82	30/06/2026	18.312.031.549	1.199.106,85	15.271,39	4,39
Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ					35.815.132.672
Mức cao nhất trong kỳ					17.534,11
Mức thấp nhất trong kỳ					14.933,17
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức cao nhất					2457,13
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức thấp nhất					0,25

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building,

số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

15 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

16 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có phát sinh giao dịch với Quỹ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Các thành viên Ban đại diện Quỹ	Ban đại diện Quỹ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ	Công ty Quản lý Quỹ đầu tư
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Ngân hàng giám sát
– Chi nhánh Hà Thành	

Quỹ có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
	VND	VND
Phí dịch vụ quản lý, lưu ký, giám sát và quản trị Quỹ	346.346.906	423.818.798
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ	124.346.906	201.818.798
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	222.000.000	222.000.000
– Chi nhánh Hà Thành		
Doanh thu lãi tiền gửi	2.239.440	2.543.252
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.239.440	2.543.252
– Chi nhánh Hà Thành		

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2026	31/12/2025
	VND	VND
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	92.534.114	148.699.749
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ	55.534.114	111.699.749
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	37.000.000	37.000.000
– Chi nhánh Hà Thành		

	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
	VND	VND
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:		
Thù lao Ban đại diện Quỹ	54.000.000	(*)

(*) Thù lao của các thành viên Ban đại diện Quỹ do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam thực hiện chi trả.

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Quỹ.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

17 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, số liệu so sánh trên Báo cáo thu nhập giữa niên độ, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán và soát xét.


Đỗ Thị Kim Cúc

Người lập

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026


Đỗ Thị Kim Cúc

Kế toán trưởng


Nguyễn Ngô Minh

Giám đốc

